

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	381 Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	6 Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	375 Học sinh	Tiền ăn:	7,000 đồng	=	2,625,000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	375 Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	=	8,625,000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	375 Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	=	8,625,000 đồng
8.	Tiền thu:	19,875,000 đồng				
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	19,875,000 đồng				
10.	Tiền thiếu:	0 đồng				

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	112.5	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20.0	50,000	1,000,000	
3	Nước mắm	Lít	2.0	13,800	27,600	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	2.0	20,000	40,000	

6	Muối trắng	Kg	2.0	7.000	14,000	
7	Nước rửa bát	Lit	6.8	38.000	258,400	
8	Nước lau nhà	Lit	7.2	30.000	216,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36.000	900,000	
10	Gạo nếp (Xôi sáng)	Kg	45.0	25.000	1,125,000	
11	Thịt Xay(ăn xôi+ Xào bí+ canh bí đỏ)	Kg	14.0	120,000	1,680,000	
12	Thịt lợn rang	Kg	54.0	120.000	6,480,000	
13	Bí đỏ (Xào Thịt)	Kg	42.0	10,000	420,000	
14	Cải thảo (canh)	Kg	22.0	12,000	264,000	
15	Dưa hấu	Kg	27.0	20,000	540,000	
16	Gà chiên	Kg	67.5	80,000	5,400,000	
17	Bắp cải xào	Kg	43.0	12,000	516,000	
18	Bí đỏ (canh)	Kg	19.2	10,000	192,000	
19	Dưa hấu	Kg	27.0	20,000	540,000	
20	Bột chiên giòn	Kg	2.0	28,000	56,000	
21	Hành khô	Kg	0.4	40,000	16,000	
22	Tỏi	Kg		40,000	-	
23	Hành lá	Kg	2.0	40,000	80,000	
					19,875,000	

Yên Châu, ngày 17 tháng 01 năm 2026...

BỘ PHẬN NHÀ BẾP

THANH TRA NHÂN DÂN

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG

Lò Thị Hương

Hoàng Thái Bình

Tạ Hải Yến



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY

Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Văn Hải

